

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TỈNH BIÊN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 92/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 04-9-2024

“V/v tranh chấp hôn nhân và gia
đình ly hôn và nuôi con khi ly
hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TỈNH BIÊN, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** bà Võ Thị Ngọc Mỹ.
- **Các Hội thẩm nhân dân:** ông Múth So Ny; bà Lương Thị Hoàng Kim.

Thư ký phiên tòa: bà Lê Thị Cẩm Tiên, là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tỉnh Biên, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tỉnh Biên, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: ông Đặng Phương Nam, Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tỉnh Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 161/2024/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2024 về việc “tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 185/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** bà Đặng Thị Hồng C, sinh năm 1986; nơi cư trú: Tổ G, khóm X, phường T, thị xã T, tỉnh An Giang.

- **Bị đơn:** ông Di Đơ L, sinh năm 1984; nơi cư trú: Tổ G, khóm X, phường T, thị xã T, tỉnh An Giang.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Đặng Thị Hồng C, xin vắng mặt và bị đơn ông Di Đơ L, vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Đặng Thị Hồng C trình bày: Qua quá trình tự tìm hiểu yêu thương nhau nên bà Đặng Thị Hồng C và ông Di Đơ L tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T (nay là phường T, thị xã T), tỉnh An Giang theo số 01/2007, ngày 27/9/2007. Sau khi kết hôn thì bà Đặng Thị Hồng C và ông Di Đơ L chung sống tại tổ G, khóm X, phường T, thị xã T, tỉnh An Giang. Vợ chồng sống hạnh phúc trong thời gian dài, đến khoảng tháng 12/2023 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, thường xuyên cãi

vã vì bất đồng quan điểm sống, nói chuyện không hợp nhau, nguyên nhân do ông Di Đơ L đi nhậu thường xuyên hơn và không về nhà, không lo làm ăn. Gia đình hai bên không có tạo điều kiện để vợ chồng hàn gắn tình cảm. Do tình cảm vợ chồng không còn nên bà Đặng Thị Hồng C yêu cầu được ly hôn với ông Di Đơ L.

Bà Đặng Thị Hồng C và ông Di Đơ L có 01 (một) con chung tên Di Thúy V, sinh ngày 17/8/2007. Khi ly hôn, bà Đặng Thị Hồng C yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con chung; không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện bao gồm: Căn cước công dân cấp cho bà Đặng Thị Hồng C (bản photo); Giấy khai sinh cấp cho Di Thúy V (bản photo); Quyết định thay đổi, cải chính hộ tịch, xác định lại dân tộc, xác định lại giới tính (bản sao); Giấy chứng nhận kết hôn (bản sao) và bản tự khai (bản chính).

- *Bị đơn ông Di Đơ L*: Đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

- *Ý kiến của cháu Di Thúy V*: Nếu cha và mẹ ly hôn thì cháu có nguyện vọng được sống với mẹ là Đặng Thị Hồng C.

Tại phiên tòa,

- *Đại diện Viện kiểm sát phát biểu*: Việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Về thẩm quyền: Nguyên đơn bà Đặng Thị Hồng C khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn ông Di Đơ L, có nơi cư trú tại Tô G, khóm X, phường T, thị xã T, tỉnh An Giang. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tịnh Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của đương sự: bà Đặng Thị Hồng C đã được triệu tập họp lệ tham gia phiên tòa nhưng xin vắng mặt; ông Di Đơ L đã được triệu tập họp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt, không lý do. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: bà Đặng Thị Hồng C và ông Di Đơ L chung sống với nhau từ năm 2007, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 01 ngày 27/9/2007 tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T (nay là phường T, thị xã T), tỉnh An Giang nên được xem là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.*”

Xét, vợ chồng phải thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau nhưng bà Đặng Thị Hồng C và ông Di Đơ L không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Di Đơ L nhưng không có ý kiến phản đối yêu cầu ly hôn của bà Đặng Thị Hồng C. Từ đó, cho thấy mâu thuẫn gia đình đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì nguyên đơn khởi kiện ly hôn với bị đơn là có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Về con chung: bà Đặng Thị Hồng C xác định trong thời gian chung sống, vợ chồng có 01 (một) con chung tên Di Thúy V, sinh ngày 17/8/2007. Bà Đặng Thị Hồng C yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

Xét thấy, hiện nay cháu Di Thúy V do bà Đặng Thị Hồng C nuôi dưỡng, cháu Di Thúy V có nguyện vọng được sống với mẹ, do đó tiếp tục giao con chung cho bà Đặng Thị Hồng C nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: bà Đặng Thị Hồng C không có yêu cầu nên không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: bà Đặng Thị Hồng C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án.

[2.5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Nguyên đơn có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo luật định; bị đơn không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 144, 147, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đặng Thị Hồng C.

1. Về hôn nhân: bà Đặng Thị Hồng C được ly hôn với ông Di Đơ L.

2. Về nuôi con chung: Giao cho bà Đặng Thị Hồng C được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Di Thúy V, sinh ngày 17/8/2007; ông Di Đ Lúch không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Đặng Thị Hồng C cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông Di Đ Lúch quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. Về án phí sơ thẩm: bà Đặng Thị Hồng C phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0010937, ngày 30/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tịnh Biên, bà Đặng Thị Hồng C đã nộp đủ án phí; ông Di Đ L không phải chịu án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo vắng mặt trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND thị xã Tịnh Biên (2);
- Chi cục THADS thị xã Tịnh Biên (1);
- UBND phường Tịnh Biên (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Ngọc Mỹ